

**CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA CỦA VIỆT NAM
NHẪM LOẠI TRỪ DẦN
CÁC CHẤT LÀM SUY GIẢM TẦNG ÔZÔN**

**VIETNAM COUNTRY PROGRAMME
FOR THE PHASEOUT OF
OZONE DELETING SUBSTANCES**

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	3
1. GIỚI THIỆU	4
1.1 Mục tiêu	4
1.2 Quá trình	4
1.3 Sự trợ giúp đã nhận được	6
2. HIỆN TRẠNG	7
2.1 Lượng tiêu thụ ODS	7
2.2 Cơ cấu công nghiệp	9
2.3 Cơ cấu hành chính	10
2.4 Cơ cấu chính sách	11
2.5 Đáp ứng của Chính phủ đối với Nghị định thư Montreal	13
3. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VIỆC LOẠI TRỪ DẦU ODS	15
3.1 Chiến lược của Chính phủ	15
3.2 Kế hoạch hành động	16
3.3 Phân công trách nhiệm	17
3.4 Thời gian dự kiến về sự tiêu thụ ODS	19
3.5 Ngân sách và tài chính	19
3.6 Giám sát và theo dõi	19

LỜI NÓI ĐẦU

Công ước Vienna về bảo vệ tầng ôzôn (1985) và Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ôzôn (1987) là những văn bản pháp lý quốc tế liên quan đến việc bảo vệ tầng ôzôn.

Tháng 1 năm 1994, CHXHCN Việt Nam chính thức gia nhập Công ước Vienna và Nghị định thư Montreal, đồng thời phê chuẩn những sửa đổi bổ sung của Nghị định thư London (1990) và Copenhagen (1992).

Thực hiện qui định về việc thi hành Nghị định thư, Chính phủ Việt Nam đã xây dựng "Chương trình Quốc gia của Việt Nam nhằm loại trừ dần các chất làm suy giảm tầng ôzôn".

Chương trình Quốc gia trình bày khái quát về tình hình sử dụng và tiêu thụ ODS ở Việt Nam, chính sách của Chính phủ Việt Nam trong vấn đề này, chiến lược, kế hoạch hành động cùng dự kiến thời gian biểu thực hiện.

Việt Nam không sản xuất và không xuất khẩu ODS; Lượng ODS được nhập khẩu để phục vụ những nhu cầu thiết yếu nội địa. Tổng lượng tiêu thụ của Việt Nam năm 1993 với số dân 72 triệu người là 409,86 tấn (tính theo hệ số tiềm năng làm suy giảm tầng ôzôn sẽ là 335,93 tấn). Nếu tính bình quân theo đầu người, lượng tiêu thụ ODS ở Việt Nam khoảng 0,004 kg/năm.

Việt Nam hạn chế việc sử dụng ODS và khuyến khích sử dụng các công nghệ mới không có ODS ngay từ năm 1995, tiến tới sẽ loại trừ hoàn toàn ODS trước năm 2006.

Để đảm bảo cho sự thành công của chương trình quốc gia, Việt Nam yêu cầu sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ Quỹ Đa phương về Ôzôn, từ các nước, các tổ chức quốc tế và cá nhân theo tinh thần của Nghị định thư Montreal./.

1. GIỚI THIỆU

1.1 Mục tiêu:

Chương trình Quốc gia (CTQG) nhằm loại trừ dần các chất làm suy giảm tầng ôzôn (ODS) được Thủ tướng Chính phủ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam giao cho Tổng cục Khí tượng Thủy văn (KTTV) chủ trì soạn thảo nhằm thi hành nghĩa vụ của một Bên tham gia Nghị định thư Montreal về ODS.

CTQG cung cấp thông tin về điều tra, phân tích xử lý số liệu ODS, đề xuất kế hoạch hành động về ODS, tiến tới loại bỏ chúng theo hạn định của NĐT và các bản sửa đổi bổ sung của NĐT.

CTQG vạch ra kế hoạch giám sát, kiểm soát việc tiêu thụ ODS hàng năm và hiệu quả của việc giảm tiêu thụ ODS như đã được đề ra trong CTQG.

Theo tinh thần Điều 5, mục 1 của NĐT, Chính phủ Việt Nam kêu gọi sự hỗ trợ tài chính và công nghệ của các nước, các tổ chức quốc tế và cá nhân để tiến hành các chương trình, các dự án và các hoạt động nhằm loại bỏ việc sử dụng ODS.

1.2 Quá trình

Tháng 1 năm 1994, Việt Nam gia nhập Công ước Vienna về bảo vệ tầng ôzôn và NĐT Montreal về ODS, phê chuẩn bản sửa đổi bổ sung London (1990) và Copenhagen (1992).

Sau đó, Việt Nam đã yêu cầu Ban Chấp hành Quỹ Đa phương về ôzôn hỗ trợ tài chính và kỹ thuật để soạn thảo CTQG. Đáp lại, Ban Chấp hành Quỹ Đa phương đã chỉ định Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP) là cơ quan thực hiện yêu cầu này.

Thực hiện nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao, Tổng cục KTTV thành lập Ban soạn thảo CTQG bao gồm đại diện của 12 Bộ, Ngành liên quan và phối hợp với UNEP soạn thảo CTQG.

Các báo cáo về điều tra ODS ở Việt Nam đã được xem xét trong quá trình soạn thảo CTQG:

- Báo cáo của cố vấn UNEP trong chuyến công tác ở Việt Nam, từ ngày 4 đến ngày 9 tháng 10 năm 1992 và từ ngày 13 đến ngày 19 tháng 12 năm 1992.
- Báo cáo của Bert Veenendaal, cố vấn về tạo bọt xốp UNDP, trong chuyến công tác ở Việt Nam từ ngày 23 đến ngày 27 tháng 4 năm 1994.
- Báo cáo của M. Sarangapani và Bert Veenendaal, cố vấn về tạo bọt xốp UNDP, trong chuyến công tác ở Việt Nam từ ngày 30 tháng 7 đến ngày 6 tháng 8 năm 1994.

- Báo cáo của Eric Peterson, cố vấn về Halon của UNDP, trong chuyến công tác ở Việt Nam tháng 8 năm 1994.
- Báo cáo của Michel Avon, cố vấn Quỹ Phát triển Pháp (CFD), trong chuyến công tác ở Việt Nam từ ngày 9 đến ngày 19 tháng 9 năm 1994 và từ ngày 28 tháng 10 đến ngày 6 tháng 11 năm 1994.
- Các báo cáo của Goh Kiam Seng, cố vấn của UNEP trong chuyến công tác ở Việt Nam từ ngày 16 đến ngày 20 tháng 9 và từ ngày 31 tháng 10 đến ngày 7 tháng 11 năm 1994.
- Tài liệu dự án UNIDO "Loại bỏ các chất làm suy giảm tầng ôzôn ở hai nhà máy đông lạnh công nghiệp SEAREFICO và SEAREE thuộc SEAPRODEX - Việt Nam".

CTQG đã được thảo luận tại Hội thảo quốc gia tổ chức tại Hà Nội ngày 7-8 tháng 12 năm 1994, được các Bộ, Ngành liên quan đóng góp ý kiến, được Chính phủ Việt Nam phê duyệt.

CTQG của Việt Nam sẽ được trình Ban Chấp hành Quỹ Đa phương tại cuộc họp lần thứ 16 vào quý I năm 1995, để triển khai thực hiện.

1.3 Sự trợ giúp đã nhận được

Trong quá trình soạn thảo CTQG, Ban soạn thảo đã nhận được sự hỗ trợ của nhiều tổ chức và cá nhân:

- UNEP là cơ quan thực hiện của Quỹ Đa phương, cung cấp tài chính và cố vấn cho việc nghiên cứu xây dựng CTQG. Trung tâm hoạt động về Công nghiệp và Môi trường thuộc UNEP tại Paris và UNEP khu vực tại Bangkok đã cung cấp một khối lượng lớn những tài liệu và thông tin có liên quan, tạo điều kiện để tìm hiểu, giao lưu với các nước, các tổ chức quốc tế qua việc tham gia các hội nghị, hội thảo về ODS về Công ước Vienna và NĐT Montreal trong thời gian qua.
- UNDP Hà Nội cung cấp các báo cáo công tác của các cố vấn và chuyên gia UNDP về điều tra ODS đã thực hiện tại Việt Nam trong thời gian qua và các thông tin có liên quan
- UNIDO cung cấp báo cáo công tác của các chuyên gia về dự án đầu tư trong ngành tạo bọt.
- Chính phủ Pháp thông qua Quỹ Phát triển Pháp đã hỗ trợ tài chính và cử cố vấn chuyên trách về điều tra và phân tích số liệu ODS phục vụ việc soạn thảo CTQG.
- Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Thủy sản, Bộ Thương mại, Bộ Công nghiệp nặng, Bộ Công nghiệp nhẹ, Bộ Nông nghiệp và Công

nghiệp thực phẩm, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Tổng cục Hải quan đã cử các chuyên gia phối hợp thực hiện điều tra ODS và tham gia soạn thảo CTQG.

- Các công ty/ngành công nghiệp trong nước đã tiến hành điều tra ODS theo mẫu biểu của Ban soạn thảo. Các công ty, xí nghiệp thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ, Công nghiệp nặng, Thủy sản v.v... tạo điều kiện để cố vấn Pháp đến làm việc và khảo sát.
- Các hãng cung cấp/nhập khẩu hoá chất như Elf Atochem, Dow Chemicals, DuPont, ICI và Nichimen đã có những cố gắng đáp ứng yêu cầu của Ban soạn thảo đặt ra.
- Chính phủ Việt Nam qua Tổng cục KTTV, đã tạo điều kiện cung cấp cán bộ và phương tiện làm việc, phục vụ việc soạn thảo CTQG, bao gồm một văn phòng làm việc, thiết bị thông tin liên lạc, lương cho 3 chuyên viên và 2 trợ lý cùng kinh phí để hoạt động bắt đầu từ tháng 9 năm 1994.

2. HIỆN TRẠNG

2.1 Lượng tiêu thụ ODS

2.1.1 Lượng tiêu thụ hiện tại

Việt Nam không sản xuất và cũng không xuất khẩu ODS, chỉ nhập khẩu với số lượng đủ cho nhu cầu thiết yếu của mình. ở Việt Nam chưa có công nghệ tái chế, tái sử dụng ODS.

Theo kết quả điều tra số liệu ODS được tiến hành trong tháng 9 và tháng 10 năm 1994, ước tính mức tiêu thụ năm 1993 đối với ODS trong Phụ lục A và Phụ lục B của NĐT Montreal khoảng 335,93 tấn ODP, bình quân đầu người khoảng 0,004 kg/năm (dân số Việt Nam năm 1993 là 72 triệu người)

Các loại CFC, halon và ODS khác sử dụng ở Việt Nam trong năm 1993 được trình bày trong các bảng I, II, III và IV và mức tiêu thụ ODS theo từng lĩnh vực được trình bày trong bảng V.

- Trong lĩnh vực làm lạnh, ODS được tiêu thụ khi nạp vào máy nén lần đầu, khi lắp ráp máy lạnh thương mại/công nghiệp và khi thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng. Năm 1993, lượng tiêu thụ CFC 12, R 500, R 502 và HCFC 22 trong lĩnh vực làm lạnh là 118,29 tấn.
- Trong lĩnh vực điều hoà không khí, ODS cần để nạp các máy điều hoà trong ô tô (MAC), điều hoà trung tâm (CAR) loại nhỏ và để thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị trên. Năm 1993 lượng tiêu thụ CFC 11, CFC 12, R 502 và HCFC 22 trong lĩnh vực này là 59,01 tấn.

- Trong lĩnh vực tạo bọt xốp (foam), ODS được sử dụng làm tác nhân để sản xuất sản phẩm xốp, trong đó có các tấm cách nhiệt. Lượng tiêu thụ cho sản xuất chất xốp năm 1993 là 20 tấn.
- Trong lĩnh vực sơn khí, CFC 11 hoặc CFC 12 được dùng làm chất đẩy trong các lọ thuốc xông, các bình xịt v.v... Theo kết quả điều tra có khoảng 200 tấn ODS được sử dụng chủ yếu trong ngành sản xuất mỹ phẩm.
- Trong lĩnh vực tẩy rửa, methyl cloroform và carbon tetrachloride (CTC) có thể được dùng như dung môi để chống ẩm và làm sạch bảng vi mạch điện tử, ổ cứng máy tính và kim loại; làm dung môi trong thuốc sát trùng, dược phẩm, sản xuất sơn công nghiệp. Lượng tiêu thụ năm 1993 là 3,26 tấn.
- Trong lĩnh vực chữa cháy, khoảng 4,0 tấn halon và 3,8 tấn carbon tetrachloride được tiêu thụ tại các sân bay, tàu cứu hộ, tàu biển và một số cơ sở chữa cháy khác trong năm 1993.
- Trong nông nghiệp, methyl bromide được sử dụng làm chất diệt khuẩn, bảo quản gạo. Lượng tiêu thụ năm 1993 là 1,5 tấn.

Tổng lượng ODS tiêu thụ năm 1993 là 409,86 tấn. Ước tính lượng tiêu thụ ODS hàng năm ở Việt Nam khoảng 400 - 500 tấn.

2.1.2 Dự báo tiêu thụ

Dự báo lượng tiêu thụ cho 2-3 năm tới sẽ giữ ở mức bình quân hàng năm nói trên, sau đó sẽ giảm nhanh, tiến tới loại bỏ hoàn toàn theo thời gian biểu của CTQG.

2.2 Cơ cấu công nghiệp

Năm 1993, ở Việt Nam có khoảng 300 xưởng sửa chữa, dịch vụ điện lạnh và ước tính hàng năm cần khoảng 21 tấn ODS loại CFC 12 (35%), HCFC 22 (44%) và R 502 (21%) để bảo dưỡng tủ lạnh dân dụng, điều hoà không khí trong ô tô, điều hoà không khí công nghiệp/ thương mại và dân dụng.

Hiện nay với sản lượng 1000 xe ô tô/năm, hàng năm những nhà máy lắp ráp ô tô cần khoảng 0,7 tấn CFC 12.

Các công ty của Bộ Công nghiệp cần 15 tấn CFC 12 và 29 tấn HCFC 22 để bảo dưỡng các máy điều hoà không khí trung tâm và thương mại.

Các công ty và tàu đánh cá của Bộ Thuỷ sản hàng năm tiêu thụ khoảng 90 tấn ODS để làm nguyên liệu thay thế, lắp ráp các hệ thống làm lạnh và bảo dưỡng các máy điều hoà không khí trung tâm và các hệ thống làm lạnh.

Ở Việt Nam hàng năm sử dụng khoảng 20 tấn CFC 11 để chế tạo bọt xốp cách nhiệt.

Các sân bay, tàu cứu hộ, tàu biển tiêu thụ 4 tấn halon trong năm 1993. Các tàu cứu hộ này do ngành dầu khí Việt Nam sử dụng.

Năm 1993, 5,5 tấn carbon tetrachloride được sử dụng trong các lĩnh vực khác nhau.

Trong lĩnh vực sơn khí, CFC được sử dụng chủ yếu trong ngành sản xuất mỹ phẩm, lượng tiêu thụ năm 1993 khoảng 200 tấn.

2.3 Cơ cấu hành chính

Năm 1993, Việt Nam đã thành lập Ban soạn thảo CTQG bao gồm 16 thành viên của 12 bộ, ngành do Tổng cục KTTV chủ trì:

- Ủy ban Kế hoạch Nhà nước
- Bộ Ngoại giao
- Bộ Khoa học Công nghệ & Môi trường
- Bộ Thủy sản
- Bộ Thương mại
- Bộ Công nghiệp nhẹ
- Bộ Công nghiệp nặng
- Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm
- Bộ Y tế
- Bộ Nội vụ
- Tổng cục Hải quan
- Tổng cục KTTV

Tháng 9 năm 1994, Tổng cục KTTV đã ra quyết định thành lập Tổ công tác chuyên trách về ôzôn và Văn phòng Hành động Ôzôn có trụ sở riêng gồm những cán bộ có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ tốt của Tổng cục KTTV để phối hợp với các Bộ, Ngành, cơ quan và làm thường trực cho Ban soạn thảo CTQG.

Chính phủ sẽ chỉ định cơ quan chủ trì triển khai thực hiện CTQG về ODS. Cơ quan này có trách nhiệm tư vấn cho Chính phủ, phối hợp với các Bộ, Ngành, điều phối các hoạt động để thực hiện CTQG.

2.4 Cơ cấu chính sách

Việt Nam đã và sẽ thực hiện một số chính sách nhằm loại trừ việc sử dụng ODS, khuyến khích việc giới thiệu và sử dụng các công nghệ thay thế. Các chính sách chủ yếu gồm:

Chính sách xuất nhập khẩu ODS:

Việc xuất nhập khẩu ODS và các sản phẩm của chúng sẽ được kiểm soát bằng các quy chế về quản lý xuất nhập khẩu. Lượng nhập khẩu sẽ được duyệt theo yêu cầu sử dụng phù hợp với kế hoạch giảm thiểu ODS trong CTQG.

Chính sách giá cả:

Giá của ODS và các chất thay thế cũng như công nghệ thay thế sẽ được điều chỉnh khi cần thiết và thích hợp để đảm bảo một quá trình chuyển tiếp hài hòa, không làm thiệt hại cho người tiêu dùng.

Chính sách thuế:

Việc tăng, giảm, miễn thuế đối với ODS và các sản phẩm của chúng sẽ được kiểm soát chặt chẽ. Các chế độ khuyến khích về thuế sẽ được áp dụng đối với các sản phẩm được sản xuất có sử dụng các chất thay thế ODS. Việc giảm, miễn thuế cũng sẽ áp dụng đối với các thiết bị thu hồi và tái sử dụng ODS.

Chính sách đầu tư:

Việt Nam khuyến khích những đầu tư nước ngoài có tác động tích cực tới việc loại trừ sử dụng ODS và hướng tới việc sử dụng các chất thay thế ODS. Các chính sách đầu tư phải nhằm thúc đẩy việc bảo vệ tầng ôzôn, thực hiện nghĩa vụ của một Bên tham gia Công ước Vienna và NĐT Montreal.

Chính sách khoa học và công nghệ:

Chính phủ ủng hộ và khuyến khích các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu khoa học công nghệ, các ngành công nghiệp, các tổ chức và cá nhân phát triển và áp dụng ở Việt Nam công nghệ có lợi cho việc bảo vệ tầng ôzôn. Một ngân quỹ đặc biệt sẽ được thành lập để hỗ trợ những tổ chức, cá nhân có đóng góp vào việc giảm tiêu thụ ODS.

Chính sách nâng cao nhận thức công chúng:

Việc tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về hạn chế, ngăn ngừa sử dụng ODS để bảo vệ tầng ôzôn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Việc nâng cao nhận thức công chúng sẽ được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Các hội thảo và hội nghị chuyên đề cũng như các khoá đào tạo sẽ được tiến hành nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng các nhà quản lý và kỹ thuật tham gia vào việc quản lý, sử dụng ODS và các chất thay thế.

Chính sách "Nhãn hiệu xanh"

Một hệ thống "Nhãn hiệu xanh" sẽ được phát hành dành cho các sản phẩm được sản xuất sử dụng chất thay thế ODS hoặc hoàn toàn không sử dụng ODS.

Chính sách pháp luật:

Các văn bản pháp quy và các quy định đối với việc quản lý các chất được kiểm soát và các chất thay thế sẽ được tăng cường và hoàn thiện.

Chính sách phục hồi và tái sử dụng ODS:

Các trung tâm phục hồi và tái sử dụng ODS sẽ được thành lập để phục vụ các trang thiết bị hiện đang sử dụng ODS.

2.5 Đáp ứng của chính phủ đối với NĐT Montreal

Từ năm 1992, Việt Nam đã tích cực tham gia vào những hoạt động có liên quan tới Công ước Vienna và NĐT Montreal:

- Chính phủ đã cử đại biểu tham dự các cuộc họp các Bên Công ước Vienna và NĐT Montreal với tư cách là quan sát viên.
- Chính phủ Việt Nam đã đáp ứng đề nghị của UNEP về việc chuẩn bị xây dựng CTQG vào năm 1992.
- Từ năm 1992, Việt Nam đã cử các chuyên viên tham gia các Hội thảo hàng năm của mạng lưới khu vực thuộc dự án UNEP/SIDA về CFC.
- Năm 1993, Việt Nam đã thông báo cho UNEP về lượng tiêu thụ ODS ở Việt Nam năm 1991.
- Tháng 1 năm 1994, Việt Nam đã chính thức tham gia Công ước Vienna và NĐT Montreal đồng thời phê chuẩn các bản điều chỉnh và sửa đổi London và Copenhagen.
- Năm 1993, Chính phủ Việt Nam đã yêu cầu UNEP giúp đỡ xây dựng CTQG Việt Nam và đã thành lập Ban soạn thảo CTQG.
- Chính phủ Việt Nam đã đề nghị UNDP và UNIDO cử các cố vấn chuẩn bị cho những dự án đầu tư nhằm loại trừ dần ODS ở Việt Nam, đã tạo điều kiện và hỗ trợ các cố vấn thực hiện nhiệm vụ này.
- Năm 1991, văn kiện Công ước Vienna và NĐT Montreal đã được dịch ra tiếng Việt. Tháng 6 năm 1994, NĐT Montreal được in và phổ biến dưới dạng song ngữ Việt - Anh.
- Nhiều bài báo về bảo vệ tầng ôzôn đã được đăng trên các báo chí và tạp san, được phổ biến trên các phương tiện thông tin, phát thanh, truyền hình.
- Tháng 8 năm 1994, Việt Nam đã đăng cai và tổ chức Hội thảo lần thứ III các chuyên viên ODS mạng lưới khu vực thuộc dự án của UNEP/SIDA về CFC tại Hà Nội, với sự tham dự của hơn 100 đại biểu gồm các đại diện các cơ quan chính phủ, các ngành công nghiệp, các viện nghiên cứu, trường đại học, báo chí, phát thanh,

truyền hình và các chuyên viên ODS của 13 nước khu vực Châu á - Thái Bình Dương.

- Từ giữa tháng 8 đến tháng 12 năm 1994, Ban soạn thảo CTQG đã phối hợp với các cố vấn UNEP và CFD chuẩn bị và tiến hành điều tra khảo sát ODS phục vụ việc soạn thảo CTQG.
- Tháng 10 năm 1994, Việt Nam đã thành lập Văn phòng Hành động Ôzôn tại Hà Nội để thực hiện điều tra khảo sát và phân tích số liệu về ODS, soạn thảo CTQG và triển khai các hoạt động có liên quan.
- Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam và Nghị định số 175/CP ngày 18 tháng 10 năm 1994 về việc "Hướng dẫn thi hành luật Bảo vệ Môi trường", khẳng định Việt Nam sẽ thực hiện các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường đã được Việt Nam ký kết.
- Từ tháng 8 đến tháng 12 năm 1994, Việt Nam tiến hành soạn thảo CTQG, trong đó có kế hoạch hành động nhằm loại trừ ODS và kiểm soát việc sử dụng ODS với sự hỗ trợ từ Quỹ Đa phương về Ôzôn để báo cáo Ban chấp hành NĐT vào tháng 3 năm 1995.
- Dự thảo CTQG về ODS đã được các Bộ, Ngành, địa phương đóng góp ý kiến và được thảo luận tại Hội nghị trừ bì và Hội thảo quốc gia đầu tháng 12 năm 1994 tại Hà Nội.

3. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VIỆC LOẠI TRỪ ODS

3.1 Chiến lược của Chính phủ

Việt Nam sẽ tuân thủ chặt chẽ các điều khoản của Công ước Vienna và NĐT Montreal, thực hiện các nghĩa vụ thành viên nhằm loại trừ dần việc tiêu thụ ODS; Việt Nam yêu cầu được cung cấp tài trợ và chuyển giao các công nghệ mới không sử dụng ODS theo các điều khoản của NĐT. Tiến trình loại trừ dần ODS ở Việt Nam phụ thuộc vào việc hỗ trợ tài chính và chuyển giao kịp thời các công nghệ không có ODS.

Như vậy, việc loại trừ ODS chỉ có thể hiệu quả một khi có các công nghệ thay thế có tính chi phí - hiệu quả và viện trợ tài chính đầy đủ, kịp thời cho Việt Nam.

Việc thực hiện CTQG phải dựa trên nguyên tắc không gây thiệt hại cho người tiêu dùng do việc cắt giảm ODS.

3.2 Kế hoạch hành động

Kế hoạch hành động của Việt Nam nhằm thực hiện loại trừ ODS đề ra dựa trên chiến lược của Chính phủ. Kế hoạch hành động thể hiện cụ thể chính sách của Việt Nam trong việc tuân thủ và thực hiện cam kết của một Bên tham gia Công ước và NĐT, bao gồm những sắp xếp về hành chính nhằm thực hiện kế hoạch loại trừ ODS theo CTQG:

- Việt Nam thực hiện công nghệ không có ODS đối với tất cả các dự án mới từ năm 1995.
- ODS trong công nghiệp son khí và trong ngành y tế sẽ giữ ở mức hiện nay cho đến năm 1997.
- Việc loại trừ hoàn toàn ODS trong lĩnh vực tạo bọt xốp, hy vọng đạt được vào năm 1996.
- Việc loại trừ ODS trong máy lạnh và điều hòa không khí, Halon trong chữa cháy và ODS trong lĩnh vực dung môi, tẩy rửa cũng hy vọng đạt được vào năm 1996.
- Đối với Methyl Bromide có thể tăng mức tiêu thụ từ năm 1995 đến năm 2006.
- Việc loại trừ ODS ở Việt Nam có mối liên kết chặt chẽ với các kế hoạch kinh tế - xã hội hàng năm của Nhà nước và những điều chỉnh của cấu trúc công nghiệp có sử dụng các sản phẩm chứa ODS.
- CTQG sẽ được điều chỉnh theo yêu cầu trong quá trình thực hiện, dựa trên số liệu tiêu thụ thu thập được đầy đủ hơn và sự phát triển không ngừng của các công nghệ thay thế ODS trong và ngoài nước.

Bảng VI và VII thể hiện kế hoạch hành động khung để thực hiện chiến lược loại trừ ODS.

3.3. Phân công trách nhiệm

Việc thực hiện CTQG được phân công như sau:

- Cơ quan chủ trì triển khai CTQG về ODS (xem mục 2.3) sẽ chịu trách nhiệm trước Chính phủ về các vấn đề liên quan tới việc triển khai thực hiện CTQG, nghĩa vụ và quyền lợi của một Bên tham gia Công ước Vienna và Nghị định thư Montreal. Cơ quan chủ trì sẽ thành lập Văn phòng Ôzôn để làm nhiệm vụ thường trực.
- Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm trên các vấn đề đối ngoại liên quan đến công ước Vienna và Nghị định thư Montreal.
- Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có nhiệm vụ quản lý các dự án trong khuôn khổ CTQG theo các qui định tại Chỉ thị 20-CP ngày 15 tháng 3 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ và phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện CTQG để bảo đảm các dự án mới về phát triển kinh tế - xã hội, các công trình xây dựng cơ bản mới không sử dụng ODS.

- Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư có trách nhiệm bảo đảm rằng các dự án đầu tư mới của nước ngoài vào Việt Nam không sử dụng ODS.
- Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ủy ban Kế hoạch Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ Cơ quan chủ trì thực hiện CTQG trong việc tiếp nhận và quản lý tài chính từ các nguồn trong nước và ngoài nước liên quan đến thực hiện CTQG.
- Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo và giám sát để các dự án mới về khoa học công nghệ không sử dụng ODS, tổ chức việc nghiên cứu các chất và công nghệ thay thế ODS.
- Bộ Thủy sản chịu trách nhiệm quản lý việc sử dụng ODS trong các hệ thống làm lạnh và điều hòa không khí trong công nghiệp chế biến và khai thác thủy sản.
- Bộ Thương mại chịu trách nhiệm quản lý, kiểm soát việc xuất nhập khẩu các chất được kiểm soát và sản phẩm của chúng.
- Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm có trách nhiệm quản lý việc sản xuất, chế biến và bảo quản các sản phẩm nông nghiệp có sử dụng ODS.
- Bộ Y tế có trách nhiệm bảo đảm rằng việc sử dụng các chất thay thế ODS không làm nảy sinh các vấn đề có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người.
- Bộ Nội vụ có trách nhiệm quản lý việc nghiên cứu, sản xuất, sử dụng và thu hồi Halon có trong các bình chữa cháy và trong các hệ thống dập cháy cố định cũng như các chất thay thế và công nghệ thay thế Halon, bảo đảm các công trình mới về phòng cháy chữa cháy không sử dụng ODS.
- Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm kiểm soát và thống kê việc xuất nhập khẩu ODS và các sản phẩm của chúng.
- Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện CTQG, theo dõi quản lý việc xây dựng các công trình có sử dụng ODS ở địa phương mình.

3.4. Thời gian dự kiến về sự tiêu thụ ODS

Bảng VII trình bày những dự kiến về thời gian biểu của việc tiêu thụ ODS.

3.5. Ngân sách và tài chính

Chi phí ước tính cho việc thực hiện kế hoạch hành động được nêu trong bảng VIII, bao gồm chi phí về hành chính và quản trị của Chính

phủ. Các khoản chi phí này là một phần của các chi phí gia tăng mà Quỹ Đa phương sẽ tài trợ.

3.6. Giám sát và theo dõi

Việc giám sát và theo dõi được thực hiện như sau:

- Tiêu thụ hàng năm về ODS chủ yếu sẽ được theo dõi thông qua Tổng cục Hải quan. Tổng cục này sẽ bổ sung qui chế hải quan để kiểm soát việc nhập khẩu ODS và các sản phẩm chứa ODS, định kỳ lập báo cáo về chủng loại, số lượng và những mục đích sử dụng ODS nhập khẩu.
- Bộ Thương mại sẽ giám sát và theo dõi việc thực hiện các qui chế trong hoạt động thương mại có liên quan đến ODS và các sản phẩm chứa ODS.
- Cơ quan chủ trì thực hiện CTQG thông qua Văn phòng Ôzôn liên hệ với các nhà nhập khẩu hóa chất để có số liệu về nhập khẩu ODS và về việc cung cấp các chất thay thế trong các lĩnh vực sử dụng có liên quan.
- Cơ quan chủ trì thực hiện CTQG qua Văn phòng Ôzôn sẽ liên hệ với những nơi tiêu thụ ODS, thông qua các Bộ, ngành có liên quan, báo cáo về số lượng đã sử dụng trong kế hoạch và sử dụng thực tế các chất thay thế.
- Các Bộ, ngành có kế hoạch, biện pháp cụ thể giám sát, kiểm soát việc sử dụng và tiêu thụ ODS trong phạm vi quản lý, hỗ trợ cơ quan chủ trì thực hiện CTQG.
- Cơ quan chủ trì thực hiện CTQG có trách nhiệm lập báo cáo định kỳ về kết quả triển khai CTQG trình Chính phủ và gửi Ban thư ký.

Bảng I

(Theo biểu mẫu số 6) Báo cáo số liệu theo Điều 7 mục 3 và 3bis của Nghị quyết IV/24

Số liệu về sản xuất, nhập khẩu và xuất khẩu những chất đã được kiểm soát bởi Nghị định thư Montreal bản sửa đổi

(đơn vị tấn)

Tên nước: Việt Nam

Năm: Từ tháng giêng đến tháng 12 năm 1993

Những chất ở Phụ lục A

Những chất có trong Phụ lục A	Tổng sản phẩm	Số lượng đã được loại trừ	Lượng nguyên liệu để cung cấp	Lượng sản phẩm đã tăng* được cho phép		Nhập khẩu			Xuất khẩu		
				SL**	TT**	Mới	Đã sử dụng	Tái sử dụng	Mới	Đã sử dụng	Tái sử dụng
Nhóm I											
CFCl ₃ (CFC-11)						22,24					
CF ₂ Cl ₂ (CFC-12)						267,81					
C ₂ F ₃ Cl ₃ (CFC-113)											
C ₂ F ₄ Cl ₂ (CFC-114)											
C ₂ F ₅ Cl (CFC-115)											
Tổng cộng nhóm I						290,05					
Nhóm II											
CF ₂ BrCl (halon-1211)											
CF ₃ Br (halon-1301)											
C ₂ F ₄ Br ₂ (halon-2402)						4,0					
Tổng cộng nhóm II						4,0					

* Để thỏa mãn nhu cầu nội địa cơ bản của những nước hoạt động theo Điều 5 của Nghị định thư Montreal

** Viết tắt của số lượng và thực tế

Bảng II

(Theo biểu mẫu số 7) Báo cáo số liệu theo Điều 7 mục 3 và Nghị quyết IV/24

Số liệu về sản xuất, nhập khẩu và xuất khẩu những chất đã được kiểm soát bởi Nghị định thư Montreal bản sửa đổi

(đơn vị tấn)

Tên nước: Việt Nam

Năm: Từ tháng giêng đến tháng 12 năm 1993

Những chất ở Phụ lục B

Những chất có trong Phụ lục B	Tổng sản phẩm	Số lượng đã được loại trừ	Lượng nguyên liệu để cung cấp	Lượng sản phẩm đã tăng* được cho phép		Nhập khẩu			Xuất khẩu		
				SL**	TT**	Mới	Đã sử dụng	Tái sử dụng	Mới	Đã sử dụng	Tái sử dụng
Nhóm I											
CF ₃ Cl (CFC-13)											
C ₂ FCl ₅ (CFC-111)											
C ₃ FCl ₇ (CFC-211)											
C ₃ F ₂ Cl ₆ (CFC-212)											
C ₃ F ₃ Cl ₅ (CFC-213)											
C ₃ F ₄ Cl ₄ (CFC-214)											
C ₃ F ₅ Cl ₃ (CFC-215)											
C ₃ F ₆ Cl ₂ (CFC-216)											
C ₃ F ₇ Cl (CFC-217)											
Tổng số Nhóm I											

Bảng III

* Để thỏa mãn nhu cầu nội địa cơ bản của những nước hoạt động theo Điều 5 của Nghị định thư Montreal

** Viết tắt của số lượng và thực tế

1. Báo cáo theo trọng lượng thực (không nhân với hệ số tiềm năng làm suy giảm ozon - ODP)
2. Bao gồm cả chất đồng phân của mỗi chất

(Theo biểu mẫu số 8) Báo cáo số liệu theo Điều 7 mục 3 và Nghị quyết IV/24

Số liệu về sản xuất, nhập khẩu và xuất khẩu những chất đã được kiểm soát bởi Nghị định thư Montreal bản sửa đổi

(đơn vị tấn)

Tên nước: Việt Nam

Năm: Từ tháng giêng đến tháng 12 năm 1993

Những chất ở Phụ lục C

Những chất có trong Phụ lục C	Tổng sản phẩm	Số lượng đã được loại trừ	Lượng nguyên liệu để cung cấp	Lượng sản phẩm đã tăng* được cho phép		Nhập khẩu			Xuất khẩu		
				SL**	TT**	Mới	Đã sử dụng	Tái sử dụng	Mới	Đã sử dụng	Tái sử dụng
Nhóm I											
CHFCI ₂ (HCFC-21)											
CHF ₂ CI (HCFC-22)											
CH ₂ FCI (HCFC-31)											
C ₂ HFCl ₄ (HCFC-121)											
C ₂ HF ₂ Cl ₃ (HCFC-122)											
C ₂ HF ₃ Cl ₂ (HCFC-123)											
CHCl ₂ CF ₃ (HCFC-123)											
C ₂ HF ₄ Cl (HCFC-124)											
CHFClCF ₃ (HCFC-124)											
C ₂ H ₂ FCI ₃ (HCFC-131)											
C ₂ H ₂ F ₂ Cl ₂ (HCFC-132)											
C ₂ H ₂ F ₃ Cl (HCFC-133)											
C ₂ H ₃ FCI ₂ (HCFC-141)											

* Để thỏa mãn nhu cầu nội địa cơ bản của những nước hoạt động theo Điều 5 của Nghị định thư Montreal

** Viết tắt của số lượng và thực tế

3. Báo cáo theo trọng lượng thực (không nhân với hệ số tiềm năng làm suy giảm ozon - ODP)

4. Bao gồm cả chất đồng phân của mỗi chất

Bảng IV

(Theo biểu mẫu số 9) Báo cáo số liệu theo Điều 7 mục 3 và Nghị quyết IV/24

Số liệu về sản xuất, nhập khẩu và xuất khẩu những chất đã được kiểm soát bởi Nghị định thư Montreal bản sửa đổi
(đơn vị tấn)

Tên nước: Việt Nam

Năm: Từ tháng giêng đến tháng 12 năm 1993

Những chất ở Phụ lục E

Những chất có trong Phụ lục C	Tổng sản phẩm	Số lượng đã được loại trừ	Lượng nguyên liệu để cung cấp	Lượng sản phẩm đã tăng* được cho phép		Nhập khẩu			Xuất khẩu		
				SL**	TT**	Mới	Đã sử dụng	Tái sử dụng	Mới	Đã sử dụng	Tái sử dụng
Nhóm I											
CH ₃ Br Methyl Bromide						1,5					

* Để thỏa mãn nhu cầu nội địa cơ bản của những nước hoạt động theo Điều 5 của Nghị định thư Montreal

** Viết tắt của số lượng và thực tế

1. Báo cáo theo trọng lượng thực (không nhân với hệ số tiềm năng làm suy giảm ozon - ODP)
2. Bao gồm cả chất đồng phân của mỗi chất

Bảng V

Mức tiêu thụ ODS theo đánh giá của những người sử dụng (1993)
Tổng hợp kết quả thu được thông qua bản câu hỏi điều tra (tấn/năm)

Tên nước: Việt Nam

Năm: Từ tháng giêng đến tháng 12 năm 1993

ODS	Điều hòa không khí (ĐHKK)		Làm lạnh		Bọt xốp	Cứu hỏa	Son khí	Dung môi	Nông nghiệp	Tổng cộng (T/năm)	ODP	Tổng ODP
	Ôtô và gia đình	Thương mại và điều hòa trung tâm	Thương mại	Công nghiệp và dân dụng								
CFC-11	-	2,24	-	-	20,00					22,24	1,0	22,24
CFC 12	10.46	15.65	-	41.70	-		200.00			267.81	1.0	267.81
CFC 13	-	-		-	-	-	-	-	-	-	1.0	
CFC 115	-	-		-	10.15	-					1.0	
R 500				5.00						5.00	0.74	3.7
R 502	0.30			19.60						19.9	0.34	6.77
HCFC 22	26.60	3.76	-	51.99	-					82.35	0.05	4.12
CFC 113	-	-	-	-	-							
Halon 1211	-	-	-	-	-							
Halon 1301	-	-	-	-								
Halon 2402	-	-	-	-		4.00				4.0	6.0	24.00
Methyl Chloroform	-	-	-	-	-			1.56		1.56	0.12	0.19
Carbon tetrachloride	-	-	-	-	-	3.80		1.70		5.50	1.1	6.05
Methyl bromide	-	-	-	-	-				1.5	1.5	0.7	1.05
	59.01		118.29		20.00	7.80	200.00	3.26	1.5	409.86		335.93

Bảng VI

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÔNG VIỆC NHẪM LOẠI TRỪ ODS

1	CÁC BIỆN PHÁP TỔ CHỨC
	- Bộ/ cơ quan chủ trì
	- Văn phòng hành động ôzôn
	- Hội đồng các chuyên gia trong lĩnh vực công nghiệp (bao gồm các hãng/ công ty cung cấp hóa chất)
	- Tăng cường các thủ tục hải quan trang bị/ đào tạo
	- Trung tâm thông tin và nguồn tư liệu về bảo vệ tầng ôzôn
	- Tăng cường năng lực của các Bộ, ngành liên quan để ngăn chặn việc tăng các nguồn tiêu thụ ODS
2	CÁC BIỆN PHÁP PHÁP LUẬT
	- Các qui định của Hải quan về kiểm soát xuất nhập khẩu ODS
	- Các qui định về kiểm soát việc dùng ODS để thực hiện Luật Bảo vệ môi trường
	- Các qui chế về quản lý và kiểm soát về xuất nhập khẩu và sử dụng ODS
	- Hướng dẫn của ủy ban Kế hoạch Nhà nước, ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư về việc cho phép các dự án đầu tư
	- Các biện pháp khuyến khích như miễn giảm thuế cho các hoạt động liên quan tới giảm tiêu thụ ODS
	- Chính phủ khuyến khích công việc có liên quan của những công ty/ tổ hợp công nghiệp cam kết dùng chất thay thế ODS
3	CÁC BÁO CÁO VÀ NGHIÊN CỨU
	- Chương trình quốc gia ODS 1994
	- Chiến lược bảo vệ tầng ôzôn
	- Chương trình quốc gia ODS cho tới năm 1997
	- Các tài liệu và nghiên cứu về các chất thay thế ODS có thể ứng dụng được tại Việt Nam
4	CÁC KẾ HOẠCH GIẢM ODS
	- Các chất tẩy
	- Bọt xốp
	- Làm lạnh
	- Điều hòa không khí
	- Cứu hỏa
	- Sơn khí
	- Methyl Bromide
5	CHƯƠNG TRÌNH NÂNG CAO NHẬN THỨC

	- Các hội nghị và seminar về bảo vệ tầng ôzôn
	- Các hội nghị và seminar về các chất thay thế CFC
	- Các khóa đào tạo về sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị cho công nhân
	- Hỗ trợ giúp đỡ xây dựng dự án
	- Các hình thức tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện khác
6	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHẪM LOẠI TRỪ ODS
	Dự án loại trừ ODS trong lĩnh vực bọt xốp (UNIDO) (2 công ty)
	Giúp đỡ về kỹ thuật để chuẩn bị các dự án
	1. Dự án bổ trợ trong lĩnh vực bọt xốp
	2. Thành lập trung tâm làm sạch không dùng ODS
	3. Dự án loại trừ ODS trong lĩnh vực làm lạnh
	4. Dự án khôi phục và tái sử dụng ODS điều hòa trung tâm
	5. Chuyển đổi thích hợp các điều hòa trung tâm hiện có
	6. Dự án khôi phục, tái sử dụng CFC và loại trừ ODS trong ô tô
	7. Chuyển đổi thích hợp các điều hòa không khí trong ô tô
	8. Dự án loại trừ CFC dùng làm chất đẩy trong các bình xịt hoặc làm dung môi
	9. Dự án loại trừ Halon

Xin lưu ý rằng: Các chương trình, hoạt động, các dự án nói trên chỉ là dự kiến. Chúng cần phải được khẳng định.

Bảng VII

TIÊU THỤ ODS TỪ 1993-2006

(Đơn vị: Tấn)

Năm	CFC			HALONS			METHYL CHLOROFORM			HCFC 22			METHYL BROMIDE			CARBON TETRA-CHLORIDE			TỔNG CỘNG		
	Dự báo	Đã lập kế hoạch (%)	Hạn chế theo NĐT Montreal	Dự báo	Đã lập kế hoạch (%)	Hạn chế theo NĐT Montreal	Dự báo	Đã lập kế hoạch (%)	Hạn chế theo NĐT Montreal	Dự báo	Đã lập kế hoạch (%)	Hạn chế theo NĐT Montreal	Dự báo	Đã lập kế hoạch (%)	Hạn chế theo NĐT Montreal	Dự báo	Đã lập kế hoạch (%)	Hạn chế theo NĐT Montreal	Dự báo	Đã lập kế hoạch (%)	Hạn chế theo NĐT Montreal
1993		290.05			4.0			1.56			82.35			1.5			5.5				
1994		290.05			4.0			1.56			100			100			5.5				
1995		290.05			4.0			1.56			110			110			5.5				
1996		290.05			4.0			1.56			121			121			5.5				
1997		90			90			90			133			133			90				
1998		80			80			80			146			146			80				
1999		70			70			70			161			161			70				
2000		60			60			60			177			177			60				
2001		50			50			50			195			195			50				
2002		40			40			40			214			214			40				
2003		30			30			30			236			236			30				
2004		20			20			20			259			259			20				
2005		10			10			10			285			285			10				
2006		0			0			0			314			314			0				

Ghi chú: 90%, 80%, 70%, 60%, 50%, 40%, 30%, 20%, 10%, 0% có nghĩa là 90%, 80%, 70%, 60%, 50%, 40%, 30%, 20%, 10%, 0% của mức tiêu thụ năm 1993

Bảng VIII**Chi phí dự tính cho việc thực hiện kế hoạch hành động**

	Dạng dự án	Chi phí dự tính (triệu/USD) của dự án		Dạng dự án	Chi phí dự tính (triệu/USD) của dự án
	Dung môi			Tạo bọt	
1	Dự án để bố trí các trung tâm làm sạch không dùng ODS ở 4-5 thành phố	5,00	1	Trên hai dự án đầu tư để loại trừ việc sử dụng các chất CFC	2,00
2	Những dự án khác	1,00	2	Những dự án khác	1,00
	Điều hòa không khí			Làm lạnh và điều hòa không khí thương mại	
1	Một hoặc hơn những dự án loại trừ việc sử dụng CFC12	1,00	1	Trên ba dự án đầu tư để loại trừ việc sử dụng ODS trong việc làm lạnh	3,00
2	Dự án thu hồi và tái sử dụng CFC cho điều hòa trong ô tô	(10,00)	2	Dự án thu hồi và tái sử dụng cho điều hòa trung tâm	3,00
	Thích ứng điều hòa không khí ô tô		3	Thích ứng điều hòa trung tâm	(20,00)
3	Những dự án khác	1,00	4	Dự án tiềm năng giảm thiểu HCFC	10,00
	Son khí			Halon	
1	Dự án giảm thiểu sử dụng CFC làm chất đẩy hoặc dung môi	1,00	1	Dự án giảm thiểu việc sử dụng Halon tại các sân bay	0,5
2	Các dự án khác	1,00	2	Dự án giảm thiểu sử dụng Halon	1,5
			3	Các dự án khác	0,5

CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ HOẠT ĐỘNG					
1	Các biện pháp tổ chức		3	Các báo cáo/ nghiên cứu	
1.1	Bộ/ cơ quan chủ trì triển khai thực hiện NDT Montreal	0,25	3.1	CTQT ODS 1994	0,16
1.2	Hội đồng các chuyên gia lĩnh vực công nghiệp và cả các nhà cung cấp hóa chất	0,10	3.2	Chiến lược bảo vệ tầng ôzôn (văn bản)	0,10
1.3	Tăng cường qui chế và thiết bị hải quan đào tạo cán bộ	0,10	3.3	CTQG ODS bổ sung 1997, 2000,2003	0,60
1.4	Trung tâm nguồn tư liệu và thông tin về bảo vệ tầng ôzôn	0,20	3.4	Nghiên cứu/ văn bản về các chất thay thế ODS có thể áp dụng được ở Việt Nam	0,50
1.5	Tăng cường năng lực của các Bộ, ngành liên quan để kiểm soát ngăn ngừa việc tăng các nguồn tiêu thụ ODS	0,5		Các lớp tập huấn, huấn luyện, các tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền	0,2
2	Các biện pháp luật pháp		4	Kế hoạch giảm ODS	
2.1	Các qui định hải quan để kiểm soát ODS	0,10	4.1	Dung môi	0,10
2.2	Các qui định trong luật BVMT nhằm kiểm soát việc nhập khẩu ODS	0,10	4.2	Bọt xốp	0,10
2.3	Hệ thống các qui chế về quản lý và kiểm soát việc nhập khẩu và sử dụng ODS	0,10	4.3	Làm lạnh	0,10
2.4	Hướng dẫn đối với UBKHNN và UBNN về Hợp tác đầu tư trong việc thông qua các dự án	0,10	4.4	Điều hòa không khí	0,10
2.5	Khuyến khích	0,10	4.5	Phòng cháy, chữa cháy	0,10
2.6	Thoả thuận tự nguyện với các công ty/ tập đoàn công nghiệp	0,50	4.6	Sơn khí	0,10

2	Các biện pháp pháp luật (tiếp theo)		4	Kế hoạch giảm ODS (tiếp theo)	
			4.7	Methyl Bromide	0,10
			5	Chương trình nâng cao nhận thức	
			5.1	Hội nghị/ Hội thảo về bảo vệ tầng ôzôn	0,10
			5.2	Hội nghị/ Hội thảo chuyên ngành về các chất thay thế CFC	0,10
			5.3	Các khoá đào tạo huấn luyện cho các xưởng sửa chữa, dịch vụ	0,10

Ghi chú: Các chi phí ghi ở bảng chỉ là định hướng. Những dự toán chi phí chi tiết sẽ được lập ngay khi các chương trình, các hoạt động và các dự án được khẳng định.